

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05/8/2022

V/v “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thẩm Văm Minh

Bà Hoàng Nữ Quyên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu T2, xã HL, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu 1 Q, xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo tại Tòa án như sau:

Chị và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 28/9/2009. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, dẫn đến xô sát. Anh H thường xuyên đánh đập chị, chị đã cố gắng chịu đựng nhưng cuộc sống hôn nhân không thể thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 07/3/2014 và Bùi Bảo A, sinh ngày 01/11/2015. Sau ly hôn chị đề nghị Tòa án

giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án.

2. Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Bùi Văn H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X ngày 28/9/2009. Quá trình chung sống thời gian đầu hai vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Anh đã cố gắng khắc phục nhưng hai vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Nay chị L xin ly hôn anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 02 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 07/3/2014 và Bùi Bảo A, sinh ngày 01/11/2015. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh không đề nghị chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Tại bản tự khai, cháu Bùi Anh Thư trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với bố.

4. Tại biên bản làm việc với đại diện UBND xã Hưng L, huyện YL cung cấp: Thu nhập hàng tháng của chị L từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

5. Tại biên bản làm việc với đại diện UBND xã X, huyện YL cung cấp: Thu nhập hàng tháng của anh H từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

6. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật cho các bên đương sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị hướng giải quyết như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Văn H.

Về con chung: Giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng Bùi Bảo A, sinh ngày 01/11/2015. Anh H được trực tiếp nuôi dưỡng Bùi Anh T, sinh ngày 07/3/2014. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, do các bên đương sự không yêu cầu.

Về án phí ly hôn: Chị L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị xin ly hôn với anh Bùi Văn H. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

[2] Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn H vắng mặt, tuy nhiên cả chị L và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn H.

[3] Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn H tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Như vậy chị L và anh H kết hôn đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét về tình cảm vợ chồng thì anh H và chị L đều thừa nhận 2 bên đã mâu thuẫn kéo dài, bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không thể khắc phục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị L xin ly hôn thì anh H cũng đồng ý, nhưng hai bên không cùng đến Tòa án để thuận tình ly hôn. Do vậy cần xét xử chị L được ly hôn anh H là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về con chung: Xét việc chị L và anh H, mỗi người đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung sau ly hôn, đây là nguyện vọng chính đáng của người làm cha, làm mẹ. Do 2 bên tranh chấp nuôi con nên việc giao con chung phải xem xét đến nguyện vọng của con chung từ đủ 7 tuổi trở lên là cháu Bùi Anh Thư, sinh ngày 07/3/2014 có nguyện vọng ở với bố là anh H, do vậy cần chấp nhận nguyện vọng này. Đối với Bùi Bảo An, sinh ngày 01/11/2015 còn nhỏ nên giao cho mẹ cháu là chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L và anh H có mức thu nhập tương đương nhau và các bên tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên không giải quyết.

[7] Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị L và anh H không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Bảo A, sinh ngày 01/11/2015. Giao cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Anh T, sinh ngày 07/3/2014. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm.

3. Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị L và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0008463, ngày 06/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Chị L đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Phạm Tuấn Anh